|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂNTỈNH ĐẮK LẮK** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /2025/NQ-HĐND**DỰ THẢO 02** | *Đắk Lắk, ngày tháng năm 2025* |

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định nội dung, mức chi tổ chức các hoạt động văn hóa văn nghệ**

**phục vụ nhiệm vụ chính trị trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 09/2016/TT-BVHTTDL ngày 14/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về tổ chức thi, liên hoan văn nghệ quần chúng;*

*Xét Tờ trình số …./TTr-UBND ngày ….. tháng …. năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định về nội dung, mức chi tổ chức các hoạt động văn hóa văn nghệ phục vụ nhiệm vụ chính trị trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Báo cáo thẩm tra số …./BC-HĐND ngày … tháng …. năm 2025 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;*

*Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định nội dung, mức chi tổ chức các hoạt động văn hóa văn nghệ phục vụ nhiệm vụ chính trị trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.*

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Nghị quyết này quy định về nội dung, mức chi tổ chức các hoạt động văn hóa văn nghệ phục vụ nhiệm vụ chính trị trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

b) Các nội dung khác liên quan đến tổ chức các hoạt động văn hóa văn nghệ không quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các hoạt động văn hóa văn nghệ bao gồm: Cuộc thi, hội thi, hội diễn, liên hoan văn nghệ quần chúng, tuyên truyền lưu động; cổ động trực quan; triển lãm; Ngày hội văn hóa; Giải thưởng văn học nghệ thuật; Trại sáng tác; các chương trình biểu diễn văn hóa nghệ thuật phục vụ nhiệm vụ chính trị trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

b) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ tổ chức các hoạt động văn hóa văn nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước.

c) Tập thể, cá nhân có liên quan khác.

**Điều 2. Nội dung, mức chi**

1. Mức chi thù lao, bồi dưỡng cho nhân sự tham gia tổ chức và phục vụ.

- Các hoạt động do cấp tỉnh tổ chức: *Đơn vị tính: Đồng*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung**  | **Đơn vị tính** | **Mức chi** |
| 01 | Trưởng Ban Tổ chức, Ban Chỉ đạo | Người/buổi | 350.000 |
| 02 | Phó Ban Tổ chức, Ban Chỉ đạo | Người/buổi | 300.000 |
| 03 | Thành viên Ban Tổ chức, Ban Chỉ đạo | Người/buổi | 250.000 |
| 04 | Trưởng Ban Giám khảo, Chủ tịch Hội đồng nghệ thuật, Chủ tịch Hội đồng tư vấn, Chủ tịch Hội đồng thẩm định. | Người/buổi | 500.000 |
| 05 | Phó Ban Giám khảo, Phó Chủ tịch Hội đồng nghệ thuật, Phó Chủ tịch Hội đồng tư vấn, Chủ tịch Hội đồng thẩm định. | Người/buổi | 450.000 |
| 06 | Thành viên Ban Giám khảo, Hội đồng nghệ thuật, Hội đồng tư vấn, Hội đồng thẩm định | Người/buổi | 400.000 |
| 07 | Thư ký | Người/buổi | 300.000 |
| 08 | Thành viên Tổ Giúp việc, Tiểu ban giúp việc | Người/buổi | 200.000 |
| 09 | MC dẫn chương trình | Người/buổi | 500.000 |
| 10 | Xây dựng Quy chế, Thể lệ | Quy chế, Thể lệ  | 500.000 |
| 11 | Xây dựng đề cương triển lãm | Đề cương | 500.000 |
| 12 | Nghệ nhân, diễn viên (cộng tác viên) | Người/Chương trình | 1.000.000 |
| 13 | Kỹ thuật âm thanh, ánh sáng, màn hình Led | Người/buổi | 150.000 |
| 14 | Trật tự, vệ sinh, phục vụ, lễ tân | Người/buổi | 100.000 |
| 15 | Chi cho đại biểu là phóng viên truyền hình, phát thanh, báo chí viết bài tuyên truyền | Người/hoạt động | 200.000 |

 **-** Các hoạt động do cấp xã tổ chức mức chi các nội dung tương ứng bằng 50% mức chi cấp tỉnh.

- Mức chi thù lao, bồi dưỡng mời nhân sự ngoài đơn vị tổ chức tham gia được phép cao hơn nhưng không vượt quá 30% định mức quy định này (Trừ nhân sự quy định tại số thứ tự 12).

- Trong trường hợp có nguồn kinh phí tài trợ mức chi thù lao, bồi dưỡng, nhuận bút có thể cao hơn mức chi tại quy định này.

 2. Mức chi các giải thưởng

*Đơn vị tính: Đồng*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Nội dung** | **Mức chi**  |
| **I** | **Cuộc thi, liên hoan, hội thi, hội diễn cấp tỉnh**  | **Huy chương Vàng, Giải Nhất, Giải A** | **Huy chương Bạc, Giải Nhì, Giải B** | **Huy chương Đồng, Giải Ba, Giải C** | **Giải Khuyến khích** |
| 1 | Giải Tập thể | 10.000.000 | 7.000.000 | 5.000.000 | 3.000.000 |
| 2 | Giải Cá nhân | 1.200.000 | 1.000.000 | 800.000 | 500.000 |
| 3 | Giải Tiết mục | 2.000.000 | 1.500.000 | 1.000.000 | 800.000 |
| 4 | Giải Chuyên đề | 1.500.000 | 1.200.000 | 1.000.000 | 800.000 |
| 5 | Giải Triển lãm | 2.000.000 | 1.500.000 | 1.000.000 | 800.000 |
| 6 | Giải Tuyên truyền viên, Diễn viên xuất sắc… | 500.000 |
| **II** | **Thi sáng tác tranh cổ động cấp tỉnh** | **Giải Nhất** | **Giải Nhì** | **Giải Ba** | **Khuyến khích** |
| 4.000.000 | 3.000.000 | 2.000.000 | 1.000.000 |
| **III** | **Thi sáng tác ca khúc, kịch bản sân khấu, kịch bản thông tin (Câu chuyện thông tin) không chuyên cấp tỉnh** | **Giải Nhất** | **Giải Nhì** | **Giải Ba** | **Khuyến khích** |
| 1 | Sáng tác ca khúc | 3.000.000 | 2.500.000 | 2.000.000 | 1.000.000 |
| 2 | Kịch bản sân khấu | 6.000.000 | 5.000.000 | 4.000.000 | 3.000.000 |
| 3 | Kịch bản thông tin | 5.000.000 | 4.000.000 | 3.000.000 | 2.000.000 |
| **IV** | **Triển lãm mỹ thuật, nhiếp ảnh cấp tỉnh** | **Giải Nhất** | **Giải Nhì** | **Giải Ba** | **Khuyến khích** |
| 1 | Giải tác phẩm mỹ thuật | 5.000.000 | 4.000.000 | 3.000.000 | 2.000.000  |
| 2 | Giải cụm tác phẩm mỹ thuật | 8.000.000 | 6.000.000 | 5.000.000 | 4.000.000 |
| 3 | Giải tác phẩm nhiếp ảnh  | 3.000.000 | 2.000.000 | 1.500.000 | 1.000.000 |
| 4 | Giải bộ tác phẩm nhiếp ảnh (bộ ảnh) | 6.000.000 | 4.000.000 | 3.000.000 | 2000.000 |
| **V** | **Giải thưởng Văn học nghệ thuật hàng năm** | **Giải Nhất** | **Giải Nhì** | **Giải Ba** | **Khuyến khích** |
| 1 | Các chuyên ngành trong lĩnh vực Văn học nghệ thuật  | 4.000.000 | 3.000.000 | 2.000.000 | 1.000.000 |

- Số lượng giải thưởng của một lần tổ chức không vượt quá 30% tổng số lượng chương trình, tiết mục, tác phẩm… đăng ký tham gia.

-Mức chi tiền thưởng tại các hoạt động do cấp xã và tương đương tổ chức bằng 50% mức chi tiền thưởng tương ứng tại quy định này.

- Trong trường hợp có nguồn kinh phí tài trợ, mức chi giải thưởng ở các cấp có thể cao hơn tại quy định này.

3. Mức chi các nội dung công tác chuẩn bị, công tác tuyên truyền

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung**  | **Mức chi** |
| 1 | Thuê phương tiện đi lại khảo sát địa điểm tổ chức và đi lại trong quá trình tổ chức | Chi theo thực tế |
| 2 | Thuê địa điểm, mặt bằng tổ chức; thuê máy móc, trang thiết bị, dụng cụ, đạo cụ và dịch vụ liên quan như âm thanh, ánh sáng, sân khấu, nhà bạt, bàn, ghế, bục phát biểu, dù che… | Chi theo thực tế tùy thuộc quy mô, tính chất từng cuộc trong phạm vi dự toán được giao. |
| 3 | Hoạt động thông tin, tuyên truyền như chụp ảnh, quay phim, làm tư liệu tuyên truyền, chi cho đại biểu là phóng viên truyền hình, phát thanh, báo chí viết bài tuyên truyền cho Lễ phát động, Lễ tổng kết trao giải cuộc thi, băng rôn, khẩu hiệu, pa-nô, áp phích (nếu có) | Thực hiện theo quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật về sản xuất chương trình truyền hình hoặc đơn giá được cấp có thẩm quyền phê duyệt (nếu có) và theo thực tế phát sinh tùy thuộc quy mô, tính chất từng cuộc trong phạm vi dự toán được giao. |
| 4 | Công tác phí, các cuộc họp Ban Tổ chức,  | Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 30/2017/NQ-HĐND ngày 11/10/2017 của Hội đồng Nhân dân tỉnh quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. |
| 5 | Xây dựng kịch bản, đạo diễn chương trình, biên đạo, họa sĩ thiết kế sân khấu, nhạc sĩ… | Căn cứ vào quy mô, chất lượng, thỏa thuận với tác giả, chi trả thù lao theo hình thức Hợp đồng khoán gọn và không vượt quá 70% mức chi quy định tại Nghị định số 21/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về nhuận bút, thù lao đối với tác phẩm điện ảnh, mỹ thuật, nhiếp ảnh, sân khấu và các loại hình nghệ thuật biểu diễn khác. |
| 6 | Khai mạc, bế mạc, tổng kết, trao giải, khen thưởng: thiết kế, in ấn ma két; in ấn tài liệu; văn phòng phẩm, phù hiệu, biển hiệu, hoa cài, cúp, cờ lưu niệm, bằng khen, giấy khen, giấy chứng nhận, khung kính, in giấy mời, cước phí bưu điện, hoa tươi trang trí và tặng các tác giả đạt giải… | Chi theo thực tế. |

**Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện**

1. Các hoạt động văn hóa văn nghệ do cấp nào tổ chức thì ngân sách cấp đó đảm bảo theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước.

2. Nguồn vận động, tài trợ và nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 4. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

**Điều 5. Điều khoản thi hành**

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày …… tháng ……….. năm 2025

2. Trường hợp văn bản viện dẫn thực hiện tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

*Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khóa…….., Kỳ họp thứ….. thông qua ngày …. tháng ….. năm 2025./.*

|  |  |
| --- | --- |
|  ***Nơi nhận:***- Như Điều 4;- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;- Các Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ; - Các Bộ: VHTTDL, Tài chính;- Cục kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;- BTV Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH tỉnh, HĐND tỉnh;- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;- Các đại biểu HĐND tỉnh;- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;- Báo Đắk Lắk; Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh;- Lưu: VT- HĐND. | **CHỦ TỊCH** |